

Bản án số: 03/2017/ HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TÁU, TỈNH YÊN BÁI.

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Thu Hương;
2. Ông Vũ Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Say- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Thát- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giàng A H, sinh năm 1987.
2. Bị đơn: Chị Trang Thị X, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái “Các đương sự có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10/5/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Giàng A H trình bày: Giữa anh và chị Trang Thị X tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, hai bên gia đình có làm đám cưới cho hai người theo phong tục tập quán của địa phương; sau khi làm đám cưới, hai người về chung sống tại thôn C, xã L từ đó cho đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Anh H và chị X chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H công tác xa nhà, khi về nhà thì thường xuyên bị chị X chửi và nói, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa hai người đã được gia đình và chính quyền hòa giải, nhưng không hòa giải được. Nay, anh H xác định tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị X.

Bị đơn là chị Trang Thị X trình bày: Việc chung sống giữa chị và anh H, đúng như anh H trình bày, còn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh H có quan hệ ngoại tình, không quan tâm gì đến gia đình, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau. Nay anh H xin ly hôn, chị X nhất trí.

Về con chung: Anh H và chị X khai thống nhất có 02 con chung là: Giàng A T, sinh ngày 15/11/2003 và Giàng A K, sinh ngày 09/01/2006.

Anh Giàng A H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng Giàng A K; chị X trực tiếp nuôi dưỡng Giàng A T; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trang Thị X đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung và yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/ tháng cho 02 con (750.000 đồng/01con/01 tháng).

Về nguyện vọng của các con khi anh H và chị X ly hôn: Giàng A K có nguyện vọng ở cùng anh H; Giàng A T có nguyện vọng ở cùng chị X.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị X thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Bái phát biểu ý kiến nhận định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 147; 262; 271; 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 – Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Giàng A H và chị Trang Thị X là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Giàng A H trực tiếp nuôi dưỡng Giàng A K. Chị Trang Thị X trực tiếp nuôi dưỡng Giàng A T; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Giàng A H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A H và chị Trang Thị X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay, không đăng ký kết hôn; việc chung sống được thể hiện tại sổ hộ khẩu, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và lời khai của hai người. Quá trình chung sống anh H, chị X phát sinh mâu thuẫn và anh H có yêu cầu ly hôn, chị X nhất trí. Do anh H và chị X không đi đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình để tuyên bố không công nhận anh Giàng A H và chị Trang Thị X là vợ chồng.

Về con chung: Anh H và chị X có 02 con chung là: Giàng A T, sinh ngày 15/11/2003 và Giàng A K, sinh ngày 09/01/2006.

Anh Giàng A H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng Giàng A K, chị X trực tiếp nuôi dưỡng Giàng A T; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị này của anh H là phù hợp với nguyện vọng của cháu K và cháu T; hơn nữa chị X không có thu nhập ổn định, giao cả hai cháu cho chị X nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo bằng việc giao cho mỗi người nuôi dưỡng một cháu. Do đó, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con nhỏ, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình để giao cho anh Giàng A H trực tiếp nuôi dưỡng Giàng A K, chị X trực tiếp nuôi dưỡng Giàng A T; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị X không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn Giàng A H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147; 262; 271; 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 – Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Giàng A H và chị Trang Thị X là vợ chồng.

- Về con chung:

Giao cho anh Giàng A H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục Giàng A K, sinh ngày 09/01/2006;

Giao cho chị Trang Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục Giàng A T, sinh ngày 15/11/2003;

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Giàng A H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số: AA/2013/03619, ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trầm Thủy; anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2).

Vũ Xuân

